TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA TƠ** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 14-9-2021
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TƠ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huy;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Thanh Hải;

2. Ông Phan Tấn Vũ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Công Bình là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Thúy Danh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2021, về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Ngô Duy T, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bị đơn: Chị Phạm Thị C, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Chí K - Trợ giúp viên pháp lý Thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ trụ sở làm việc: Đường P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Người phiên dịch: Anh Phạm Văn T- Cán bộ Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (phiên dịch tiếng Hre).

Anh T, chị C, anh K, anh T có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ghi ngày 11/01/2021, đơn khởi kiện bổ sung ngày 09/3/2021, trong quá trình tố tụng nguyên đơn anh Ngô Duy T trình bày:*

Anh T và chị C kết hôn vào ngày 24/9/2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng đã không còn nên anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị C.

Về con chung: Anh T và chị C có 01 người con chung tên là Ngô Gia H, sinh ngày 07/9/2015. Nếu ly hôn, anh T yêu cầu được nuôi cháu H và không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Phạm Thị C trình bày:*

Điều kiện kết hôn và nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn giữa anh T và chị C đúng như anh T đã trình bày, ngoài ra trong quá trình chung sống anh T thường xuyên có hành vi đánh chị C, nên nay anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị C thì chị đồng ý thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị C và anh T có 01 người con chung đúng như anh T đã trình bày, chị C yêu cầu được nuôi cháu Ngô Gia H, sinh ngày 07/9/2015 và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến tại phiên tòa của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:*

Anh T và chị C thuận tình ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh T và chị C.

- Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Ngô Gia H, sinh ngày 07/9/2015 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

** Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa*:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm Phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án: Căn cứ theo quy định tại Điều 28, 35, và 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Thẩm phán thụ lý đúng thẩm quyền, Chánh án ra quyết định phân công Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân đúng quy định; Thẩm phán xác định tư cách người tham gia tố tụng, tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Ngô Duy T và chị Phạm Thị C.

- Về con chung: Giao con chung Ngô Gia H, sinh ngày 07/9/2015 cho anh Ngô Duy T trực tiếp nuôi dưỡng; anh T không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Ngô Duy T, chị Phạm Thị C không yêu cầu giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Anh Ngô Duy T, chị Phạm Thị C phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn chị Phạm Thị C có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã Ba, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của anh Ngô Duy T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Ngô Duy T và chị Phạm Thị C là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã. Hiện nay, anh T và chị C đang sống ly thân, tại phiên hòa giải ngày 23/8/2021 và tại phiên tòa anh T và chị C đều yêu cầu ghi nhận sự thuận tình ly hôn của anh, chị. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy anh T và chị C đã thực sự không còn yêu thương nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên thật sự tự nguyện ly hôn nên cần công nhận sự thuận tình ly hôn của anh T và chị C, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

[2.2] Về con chung: Anh T và chị C đều yêu cầu được nuôi cháu Ngô Gia H, sinh ngày 07/9/2015. Hội đồng xét xử xét thấy cháu H đang sống ổn định với anh T từ năm 2018 cho đến nay. Mặt khác tại phiên tòa chị C thừa nhận đang nuôi dưỡng con riêng của chị C là cháu Phạm Đình V 12 tuổi, nên để đảm bảo sự phát triển toàn diện về thể chất lẫn tinh thần cần giao cháu H cho anh T nuôi dưỡng là phù hợp. Anh T không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Chị C có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở, là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Ngô Duy T, chị Phạm Thị C không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Anh Ngô Duy T, chị Phạm Thị C mỗi người phải chịu 75.000đồng (*Bảy mươi lăm ngàn đồng*) tiền án phí thuận tình ly hôn sơ thẩm.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35, 39, 147, 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Ngô Duy T và chị Phạm Thị C.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Ngô Gia H, sinh ngày 07/9/2015 cho anh Ngô Duy T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

Chị Phạm Thị C có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Ngô Duy T, chị Phạm Thị C không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về án phí:

- Anh Ngô Duy T phải chịu 75.000đồng (*Bảy mươi lăm ngàn đồng*) tiền án phí thuận tình ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000[đ] (*Ba trăm ngàn đồng*) anh T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0004906 ngày 09 tháng 3 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi. Hoàn trả lại cho anh T số tiền 225.000 đồng (*Hai trăm hai mươi lăm ngàn đồng*).

- Chị C phải chịu 75.000đồng (*Bảy mươi lăm ngàn đồng*) tiền án phí thuận tình ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án, Quyết định được Thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 14/9/2021.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Ba Tơ;
- Chi cục THADS huyện Ba Tơ;
- Đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Huy